

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NAM HẢI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NAM HẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM – XD NAM HẢI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101509778

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

06 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0912 799 575

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình giao thông vận tải, bao gồm: lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình, quản lý dự án, xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và lập phương án xử lý. Thẩm tra: dự án đầu tư xây dựng, bản vẽ thiết kế thi công, dự toán công trình. Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Lập hồ sơ hoàn công. Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, san nền mặt bằng. Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật và thủy lợi. Giám sát kỹ thuật thi công các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp công trình hạ tầng kỹ thuật và thủy lợi; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống. | 7110        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100(Chính) |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4210        |
| 8.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4290        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị ngành giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4659        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, chiếu sáng công cộng, đường dây trung thế 35KV trở xuống và trạm biến áp ; Lắp đặt camera quan sát, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống trộm, chống sét, âm thanh, ánh sáng, hệ thống đảm bảo an toàn, cáp truyền hình, mạng Internet, đường dây điện thoại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THANH HẢI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/06/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 194206631

Ngày cấp: 22/09/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 06 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 06 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/06/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 194206631

Ngày cấp: 22/09/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 06 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 06 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định